

Bản án số: 38/2019/HS-ST
Ngày 09-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Lài, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B tham gia phiên tòa:* Ông Phan Tân Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1989; nơi sinh: B; thường trú: 11/7, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; chồng Nguyễn Châu Chí C, sinh năm 1987; có 02 con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh A; có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh A; có đơn xin vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1988; vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Cẩm V và bà Trần Thị Ngọc T có mối quan hệ quen biết nhau. V và bà T cùng làm việc chung tại Công ty Chí H thuộc phường T, thị xã T, tỉnh B.

Khoảng đầu tháng 07 năm 2018, trong lúc V và bà T ngồi nói chuyện với nhau, bà T có nói cho V biết vào ngày 26-7-2018 thì bà T sẽ đi du lịch cùng chồng tại thành phố Đ, tỉnh L. Khoảng 03 đến 04 ngày sau, V nảy sinh ý định vào phòng trọ của T tìm tài sản có giá trị để lấy trộm, trong lúc bà T và chồng đi du lịch. Trong một lần V và bà T cùng đi chơi với nhau, lợi dụng lúc bà T để chìa khóa phòng trọ trong cốp xe của V nên V đã lén lấy chìa khóa phòng trọ của bà T rồi đi làm 01 (một) chiếc chìa khóa khác giống chìa khóa phòng trọ của bà T.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 26-7-2018, bà T cùng chồng là ông Nguyễn Văn Rồi đi du lịch tại thành phố Đ, tỉnh L. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, V biết T đi du lịch nên liền điều khiển xe mô tô biển số 61C1 – 752.11 đi từ nhà của V đến phòng trọ của bà T với ý định sẽ tìm tài sản có giá trị để lấy trộm. Do sợ chạy xe đến phòng trọ của T sẽ bị người khác phát hiện nên khi đến khu vực chợ đêm Tộc khu phố A, phường T, thị xã T, B (cách phòng trọ của bà T khoảng 500 mét) nên V gửi xe tại bãi xe và đi bộ đến phòng trọ của bà T. Khi đến phòng trọ của bà T, V quan sát xung quanh thấy không có ai nên lấy chiếc chìa khóa do V đã làm sẵn trước đó mở ổ khóa phòng trọ của bà T ra rồi đi vào bên trong phòng trọ, V khép cửa lại và tìm tài sản của bà T. Do sợ bị phát hiện nên V không bật đèn lên mà bật chế độ đèn pin trên điện thoại di động của V để tìm tài sản. V leo lên gác nhìn thấy có chiếc tủ gỗ, V kéo ngăn kéo tủ ra và nhìn thấy bên trong có 01 hộp đựng vàng màu cam đỏ nên liền bỏ hộp vàng vào túi áo khoác đang mặc trên người, tiếp đến V nhìn thấy có 01 cái bóp nên liền mở ra xem thì thấy bên trong có nhiều tiền với nhiều mệnh giá khác nhau, thấy vậy V liền lấy hết số tiền có trong bóp và bỏ vào túi áo khoác mà không kiểm đếm. Sau đó V tiếp tục mở ngăn kéo khóa của tủ vải đựng quần áo ra, thì thấy bên trong có 01 con heo đất dùng để đựng tiền, V dùng chiếc chìa khóa cửa tác động mạnh vào vị trí bỏ tiền vào làm cho con heo đất bị bể, V thấy bên trong có rất nhiều tiền với nhiều mệnh giá khác nhau, thấy vậy V liền lấy hết số tiền có trong con heo đất và bỏ vào túi áo khoác mà không kiểm đếm. Sau khi lấy được số tài sản nêu trên, V liền đi ra khỏi phòng trọ của bà T. Khi về đến nhà V lấy số tài sản vừa lấy trộm được ra kiểm tra thì đếm được số tiền là 37.500.00 đồng, 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính đá, 02 lắc tay bằng kim loại màu vàng.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, ông Nguyễn Văn Giàu là người ở trọ đối diện với phòng trọ của bà T nhìn thấy phòng của bà T không khóa cửa nên ông Giàu báo cho chủ trọ là bà Nguyễn Thị T biết. Bà T đến kiểm tra phòng trọ của bà T thì thấy phòng không có người nên dùng một cái ổ khóa khác khóa phòng của bà T lại. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 27-7-2018, bà Th gọi điện thoại cho ông Rồi là chồng của bà T để hỏi vì sao đi chơi mà không khóa cửa phòng lại. Ông Rồi nhờ bà Th vào bên trong phòng kiểm tra xem có mất tài sản gì không. Sau đó, bà Th vào bên trong kiểm tra, bà T gọi điện thoại chỉ cho bà Th vị trí cất tài sản, bà Th kiểm tra không thấy tài sản nên gọi thông điện thoại thông báo cho ông Rồi biết, sau đó ông Rồi nhờ bà Th khóa cửa phòng trọ. Đến ngày 29-7-2018, bà T đi du lịch về đến phòng trọ kiểm tra phát hiện tài sản bị mất. Đến sáng ngày 30-7-2018, bà T đến công an phường Tân Phước Khánh để trình báo việc mất tài sản. Ngày 31-7-2018, bà T nói cho V nghe việc bà T bị mất tài sản, V thấy bà T buồn vì tài sản bị mất nên ngày 03-8-2018, V đã khai nhận với bà T về việc V trộm cắp tài sản của bà T, đồng thời V đã đến công an phường Tân Phước Khánh để tự thú và giao nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng có đính đá và 02 lắc tay bằng vàng. Sau đó công an phường Tân Phước Khánh tiến hành xác lập hồ sơ ban đầu và chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 21/KLTS-TTHS ngày 11-01-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 chiếc nhẫn bằng hợp kim vàng có đính đá, có khối lượng 9,0854g, loại vàng 14K bên trong có chữ NLON 57, có giá trị 3.634.160 đồng; 01 lắc tay bằng hợp kim vàng, có khối lượng 11, 2530g, loại vàng 23K (bên trong có ghi số 300/23K và chữ PEPSI), có giá trị 10.503.550 đồng; 01 lắc tay bằng hợp kim vàng, có khối lượng 11,2685g, loại vàng 23K (bên trong có ghi số 300/23K 30 T.DA), có giá trị 10.518.000 đồng. Tổng giá trị vàng Nguyễn Thị Cẩm V chiếm đoạt là 24.655.710 đồng (BL88).

Quá trình điều tra xác định xe xe mô tô nhãn hiệu Vision, màu xanh, biển số 61C1 – 752.11, có số khung: 5811GY270377, số máy: JF66F027092. Kết quả điều tra xác định xe này do ông Nguyễn Châu Chí C là chồng của bị can V mua và đứng tên chủ sở hữu, việc bị can V sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì ông Công hoàn toàn không biết.

Bản Cáo trạng số 34/CT-VKSTU ngày 25-02-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh B đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V về tội trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung cáo trạng và đề nghị căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Khoảng 21 giờ ngày 26-7-2018, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 61C1 – 752.11 đi từ nhà đến phòng trọ của bà T với ý định sẽ tìm tài sản có giá trị để lấy trộm. Do sợ chạy xe đến phòng trọ của T sẽ bị người khác phát hiện nên khi đến khu vực chợ đêm thuộc khu phố A, phường T, thị xã T, B bị cáo gửi xe tại bãi xe và đi bộ đến phòng trọ của bà T. Khi đến phòng trọ của bà T, bị cáo quan sát xung quanh thấy không có ai nên lấy chiếc chìa khóa do bị cáo đã làm sẵn trước đó mở ổ khóa phòng trọ của bà T ra rồi đi vào bên trong phòng trọ, bị cáo khép cửa lại và tìm tài sản của bà T. Do sợ bị phát hiện nên bị cáo không bật đèn lên mà bật chế độ đèn pin trên điện thoại di động để tìm tài sản. Bị cáo leo lên gác nhìn thấy có chiếc tủ gỗ, kéo ngăn kéo tủ ra và nhìn thấy bên trong có 01 hộp đựng vàng màu cam đỏ nên liền bỏ hộp vàng vào túi áo khoác đang mặc trên người, tiếp đến bị cáo nhìn thấy có 01 cái bóp nên liền mở ra xem thì thấy bên trong có nhiều tiền với nhiều mệnh giá khác nhau, thấy vậy bị cáo liền lấy hết số tiền có trong bóp và bỏ vào túi áo khoác mà không kiểm đếm. Sau đó bị cáo tiếp tục mở ngăn kéo tủ ra và vứt đựng quần áo ra, thì thấy bên trong có 01 con heo đất dùng để đựng tiền, bị cáo dùng chiếc chìa khóa của tác động mạnh vào vị trí bỏ tiền vào làm cho con heo đất bị bể, bên trong có rất

nhiều tiền với nhiều mệnh giá khác nhau, bị cáo liền lấy hết số tiền có trong con heo đất và bỏ vào túi áo khoác. Sau khi lấy được số tài sản nêu trên, bị cáo liền đi ra khỏi phòng trọ của bà T. Khi về đến nhà bị cáo lấy số tài sản vừa lấy trộm được ra kiểm tra thì đếm được số tiền là 37.500.00 đồng, 01 nhẫn kim loại màu vàng có đính đá, 02 lắc tay bằng kim loại màu vàng.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, ông Nguyễn Văn G là người ở trọ đối diện với phòng trọ của bà T nhìn thấy phòng của bà T không khóa cửa nên ông Giàu báo cho chủ trọ là bà Nguyễn Thị Th biết. Bà Th đến kiểm tra phòng trọ của bà T thì thấy phòng không có người nên dùng một cái ổ khóa khác khóa phòng của bà T lại. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 27-7-2018, bà Th gọi điện thoại báo cho ông R. Ông R nhờ bà Th vào bên trong phòng kiểm tra xem có mất tài sản gì không. Sau đó, bà Th vào bên trong kiểm tra, bà T gọi điện thoại chỉ cho bà Th vị trí cất tài sản, bà Th kiểm tra không thấy tài sản nên gọi thông điện thoại thông báo cho ông R rồi biết, sau đó ông R nhờ bà Th khóa cửa phòng trọ. Đến ngày 29-7-2018, bà T đi du lịch về đến phòng trọ kiểm tra phát hiện tài sản bị mất. Đến sáng ngày 30-7-2018, bà T đến công an phường Tân Phước Khánh để trình báo việc mất tài sản. Ngày 31-7-2018, bà T nói cho V nghe việc bà T bị mất tài sản, V thấy bà T buồn vì tài sản bị mất nên ngày 03-8-2018, V đã khai nhận với bà T về việc V trộm cắp tài sản của bà T, đồng thời V đã đến công an phường Tân Phước Khánh để tự thú và giao nộp lại số tiền 10.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng có đính đá và 02 lắc tay bằng vàng. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn có được tài sản mà không phải qua lao động nên đã cố ý phạm tội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú; bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[7] Tại phiên tòa, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V là phù hợp.

[8] Xét, bị cáo có nơi cư trú ổn định, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bản thân bị cáo có khả năng tự cải tạo và không gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo hưởng án treo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian nhất định cũng đủ tác dụng giáo dục bị

cáo trở thành công dân tốt không gây nguy hiểm cho xã hội mà vẫn đảm bảo công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V 02 (Hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án (09-4-2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh B để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- PV06, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Hiệp